

Không mơ hồ, lẫn lộn giữa tự do ngôn luận, tự do báo chí với ngôn luận tự do, báo chí tự do

PGS, TS. NGUYỄN THỊ TRƯỜNG GIANG

Học viện Báo chí và Tuyên truyền; Email: truonggiangbmdt@yahoo.com.vn

Nhận ngày 7 tháng 4 năm 2024; chấp nhận đăng tháng 6 năm 2024.

Tóm tắt: Một trong những luận điệu thiếu thiện chí của một số tổ chức, cá nhân đối với Việt Nam là xuyên tạc ở đất nước Việt Nam không có tự do ngôn luận, tự do báo chí. Tuy nhiên, lập luận của họ đa phần có sự đánh tráo khái niệm giữa tự do ngôn luận, tự do báo chí với ngôn luận tự do, báo chí tự do.

Từ khóa: tự do ngôn luận, tự do báo chí, ngôn luận tự do, báo chí tự do.

Abstract: One of the unfavorable arguments made by certain organizations and individuals against Vietnam is the distortion that there is no freedom of speech or press freedom in Vietnam. However, their arguments often involve the misrepresentation of concepts between freedom of speech, press freedom, and free speech, free press.

Keywords: freedom of speech, press freedom, free speech, free press.

Ý nghĩa chân chính của tự do ngôn luận, tự do báo chí

Vốn dĩ, tự do là quyền cơ bản của con người, nhưng cùng với đó, là nhận thức và hành xử phù hợp với cộng đồng, quốc gia, dân tộc, để tôn trọng quyền tự do của người khác và tuân thủ pháp luật. Điều 29 trong Tuyên ngôn thế giới về Nhân quyền (năm 1948) của Liên hợp quốc nêu rõ: **“Mỗi người đều có nghĩa vụ đối với cộng đồng, trong khi hưởng thụ các quyền về tự do cá nhân, phải chịu những hạn chế do luật định nhằm mục đích duy nhất là bảo đảm việc thừa nhận và tôn trọng đối với các quyền tự do của người khác và phù hợp với những đòi hỏi chính đáng về đạo đức, trật tự công cộng và phúc lợi chung trong một xã hội dân chủ”**

Tự do ngôn luận, tự do báo chí là vấn đề mang tính toàn cầu, nhưng cần phân tích nội hàm của nó trong từng thể chế chính trị cụ thể, trong tiến trình phát triển của từng quốc gia, dân tộc.

Tự do ngôn luận và tự do báo chí là hai khái niệm trong cùng lĩnh vực, chỉ khác nhau về cấp độ. Rõ ràng báo chí là diễn đàn trong một xã hội phát triển, để mọi công dân, mọi tầng lớp, mọi độ tuổi,

giới tính, ngành nghề khác nhau được quyền phát ngôn, bày tỏ tư tưởng, ý kiến, thể hiện hành động; và báo chí trở thành nơi mà tự do ngôn luận thể hiện tập trung, mạnh mẽ và được lan tỏa nhiều nhất. Cũng chính vì thế, tự do báo chí trở thành mối quan tâm đặc biệt ở mọi nơi, mọi quốc gia, mọi thể chế chính trị - xã hội, ở cả trong lý luận và thực tiễn. Dù là ở nền báo chí tư bản hay báo chí xã hội chủ nghĩa, thì báo chí đều có những chức năng chung như: chức năng thông tin, chức năng phản ánh, chức năng hình thành và định hướng dư luận xã hội, chức năng giáo dục, chức năng giải trí. Những chức năng này tạo ra cho báo chí một trách nhiệm xã hội, vì sự tiến bộ và phát triển chung của xã hội, hướng tới những giá trị hạnh phúc phổ quát của con người. Vì vậy, khi thực hiện quyền tự do báo chí cũng phải gắn với các chức năng đó, không đi ngược lại các giá trị chân lý, đạo đức, văn hóa, không chống lại an ninh chung của cộng đồng, không trái với xu thế tiến bộ của nhân loại.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã có lời giải thích rất rành mạch về tự do ngôn luận, tự do báo chí như sau: **“Tự do là thế nào? Đối với mọi vấn đề, mọi**

người tự do bày tỏ ý kiến của mình, góp phần tìm ra chân lý. Chân lý là cái gì có lợi cho Tổ quốc, cho nhân dân. Cái gì trái với lợi ích của Tổ quốc, của nhân dân tức là không phải chân lý⁽¹⁾. Như vậy, có thể thấy tự do báo chí chân chính phải đặt trên nền tảng một xã hội dân chủ, tốt đẹp, nhân văn, mọi hoạt động báo chí đều phục vụ lợi ích của đông đảo nhân dân.

Không có tự do báo chí thuần túy, tuyệt đối, đứng bên ngoài xã hội, cộng đồng, thể chế chính trị và bị bóp nghẹt trong chế độ độc tài, khi nhà cầm quyền đã trở thành vật cản bước tiến xã hội. Không có quyền nào vượt lên ở mức cao hơn chế độ kinh tế và sự phát triển xã hội do chế độ kinh tế đó quy định. Chỉ có tự do báo chí trong xã hội dân chủ, khi giai cấp cầm quyền có vai trò tiến bộ dẫn dắt xã hội. Trong thực tiễn, hầu hết mọi thể chế chính trị khác nhau đều coi việc chống lại nhà cầm quyền là vi phạm pháp luật, và không có nơi nào có văn bản coi tự do ngôn luận, tự do báo chí là quyền tuyệt đối. Tổng thư ký Liên hợp quốc Ban Ki-moon từng nói: *"Tự do ngôn luận được bảo vệ khi nó được sử dụng vào mục đích công lý và cộng đồng"*. Khi một số người sử dụng quyền tự do này để khiêu khích hoặc sỉ nhục các giá trị niềm tin của người khác thì hành động đó sẽ không được bảo vệ.

Tóm lại, bàn về tự do ngôn luận, tự do báo chí có thể tóm tắt như sau:

Thứ nhất, tự do ngôn luận và tự do báo chí là quyền cơ bản của con người, được hầu khắp các quốc gia thừa nhận, nhưng đồng thời với nhận thức phổ quát là cần thực hiện quyền tự do đó mà không xâm phạm cá nhân và tổ chức khác trong cộng đồng.

Thứ hai, không có tự do ngôn luận, tự do báo chí tuyệt đối, thuần túy. Mọi hoạt động mang tính xã hội đều có các khuôn khổ xã hội và luật pháp nhất định.

Thứ ba, tự do ngôn luận, tự do báo chí chân chính là lên tiếng xây dựng các giá trị tốt đẹp cho cộng đồng, xã hội. Không có tự do ngôn luận, tự do báo chí gây hại cho xã hội, đi ngược lại sự tiến bộ chung của con người.

Cảnh giác mưu đồ cổ xúy "ngôn luận tự do, báo chí tự do"

Trong các luận điệu chỉ trích Việt Nam không

có tự do ngôn luận, tự do báo chí, có thể thấy các lập luận đã cố tình tập trung vào vết đầu của "Tuyên ngôn quốc tế về Nhân quyền" năm 1948 khẳng định tự do tư tưởng, tự do xuất bản là quyền cơ bản của con người, mà bỏ đi về sau là quyền tự do đó nằm trong khuôn khổ pháp luật và thể chế mỗi quốc gia. Thay vì xem xét các mối quan hệ giữa hiến pháp, pháp luật và hoạt động báo chí thực tiễn, các thế lực thù địch, thiếu thiện chí chỉ tập trung vào các vụ việc và cá nhân cụ thể để xuyên tạc về tự do ngôn luận, tự do báo chí của Việt Nam. Khái niệm mà họ sử dụng chính là ngôn luận tự do, báo chí tự do, gần với khái niệm tự do tuyệt đối, không có giới hạn.

Tổ chức Phóng viên không biên giới (RSF) liên tục nhiều năm gần đây xếp Việt Nam vào gần cuối trên bảng xếp hạng về tự do báo chí của 180 quốc gia, với các lý do chủ yếu là "đàn áp các blogger", "bắt giam các nhà báo", nhưng trong các vụ việc này, các đối tượng bị bắt giữ đều có hành vi lợi dụng các quyền tự do dân chủ để đưa tin sai sự thật, tuyên truyền chống phá Đảng và Nhà nước, xuyên tạc tình hình ở Việt Nam. Trên một kênh truyền thông ở hải ngoại thiếu thiện chí khi bình luận về Việt Nam gần đây, có một bài viết về bảng xếp hạng của RSF. Nhưng tổ chức RSF lại không đưa ra được khái niệm hay cách hiểu nào về tự do báo chí. Nếu họ cho rằng không thể bắt giữ các nhà báo, và cho rằng không ai đáng bị bắt vì lý do tham gia ngôn luận, thì có lẽ họ đã bỏ qua hoàn toàn việc hoạt động báo chí phải nằm trong khuôn khổ pháp luật. Với cách lập luận như vậy, họ đang cổ xúy cho ngôn luận tự do, báo chí tự do mà không chịu bất cứ trách nhiệm xã hội nào.

Trong vụ việc bắt giữ đối với nữ nhà báo gần đây, có thể thấy rõ trong thời gian dài, nhà báo này đã công khai chỉ trích nhiều cá nhân, doanh nghiệp, tổ chức trên trang cá nhân của mình, như Công ty cổ phần Đại Nam, Quỹ Sóng Foundation, Mạng lưới Tự kỷ Việt Nam... với lời lẽ nặng nề nhưng không có căn cứ xác đáng. Núp dưới chiêu bài "nêu nghi vấn", "đặt dấu hỏi", "phân tích giả định", "đấu tranh chống tiêu cực", nhà báo này đã tùy tiện đưa ra những thông tin có nhiều dấu hiệu quy chụp,

phán xét không khách quan, đưa thông tin sai sự thật, bất chấp luật pháp và đạo lý. Ngôn luận tự do dựa theo những phán đoán, suy diễn chủ quan, ác ý, đã dẫn một người từng là nhà báo kiêm luật sư phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc lợi dụng quyền tự do dân chủ để xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân và tổ chức khác. Một số nhà báo, luật sư, người dùng mạng xã hội khác bị bắt cũng có chung vi phạm pháp luật như vậy.

Khi phê phán chỉ trích Việt Nam không có tự do ngôn luận và tự do báo chí, các thế lực thù địch cũng không chỉ ra được điều luật nào, quy định nào ngăn cản tự do của nhà báo, mà có xu hướng áp đặt hình mẫu phương Tây cho Việt Nam. Đó là một cách tiếp cận không có cơ sở khoa học. Nội hàm của tự do ở mỗi quốc gia, mỗi thời điểm có thể giống nhau về phổ quát, còn lại sẽ mang đặc điểm của mỗi thể chế chính trị - xã hội. Thực chất, không có nơi nào có tự do tuyệt đối, đây chỉ là một khái niệm mang tính tương đối và có sự phát triển trong các nền tảng xã hội khác nhau.

Ph.Ăngghen đã chỉ rõ: □Không thể bàn luận về đạo đức và quyền hạn nếu không bàn tới vấn đề về khả năng chịu trách nhiệm của con người, về mối quan hệ giữa tất yếu và tự do...□ Ai cũng có quyền bày tỏ ý kiến, nhưng nếu ý kiến đó không đi kèm với ý thức và trách nhiệm, làm phương hại đến nhân phẩm và quyền lợi của người khác, thì cái cách ngôn luận tự do đó không được dung thứ trong mọi xã hội. Nhà báo là người được đào tạo bài bản cả về kiến thức và kỹ năng truyền thông, càng cần phải nhận thức được rằng, trước mỗi thông tin phải cân nhắc, kiểm chứng, xử lý kỹ càng, không làm tổn hại các cá nhân, tổ chức, không phương hại đến lợi ích quốc gia, dân tộc. Phần đầu cho một môi trường báo chí được tự do hành nghề, tự do sáng tạo, tự do cống hiến với lương tâm và trách nhiệm, chứ không phải là đòi hỏi một thứ ngôn luận tự do, báo chí tự do, tự cho mình quyền phát ngôn, quyền phán xét bằng ý chí cá nhân.

Như vậy, ngôn luận tự do, báo chí tự do theo cách mà các thế lực thù địch tuyên truyền, là đề cao tư tưởng của các cá nhân, không đi kèm trách nhiệm và các khuôn khổ luật pháp, đạo đức xã hội, không

quan tâm hoặc xem nhẹ các hệ quả gây ra cho xã hội, cộng đồng. Điều đó khác rất xa với tự do ngôn luận và tự do báo chí chân chính có trách nhiệm với sự phát triển tiến bộ của xã hội, của nhân loại.

Việt Nam luôn bảo đảm quyền tự do báo chí, tự do ngôn luận

Ở Việt Nam, ngay từ trong cuộc đấu tranh giành độc lập, mặt trận Việt Minh do lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc đứng đầu đã giương cao ngọn cờ đòi quyền tự do ngôn luận, tự do xuất bản, tự do tổ chức, tín ngưỡng, đi lại, bác bỏ áp bức bất công của chính quyền thực dân. Khi giành được chính quyền, Hiến pháp đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa năm 1946 đã khẳng định quyền tự do ngôn luận, tự do xuất bản và các quyền tự do khác của công dân. Trải qua các lần sửa đổi, bổ sung, Hiến pháp hiện nay của nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam vẫn luôn khẳng định quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí. Trong suốt cả một tiến trình phát triển, thể chế chính trị do Đảng Cộng sản lãnh đạo ở Việt Nam luôn thống nhất ý chí bảo đảm các quyền tự do cơ bản của con người, trong đó có tự do ngôn luận, tự do báo chí, phù hợp với Tuyên ngôn thế giới về Nhân quyền của Liên hợp quốc tuyên bố từ hơn 70 năm qua.

Tự do báo chí ở Việt Nam được thể hiện đầy đủ cả ở trên phương diện pháp lý và cả trong hoạt động thực tiễn. Bàn đến phương diện pháp lý, dễ dàng nhận thấy, xuyên suốt chiều dài lịch sử, từ lúc lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc cùng với mặt trận Việt Minh đấu tranh giành độc lập cho dân tộc, đến bản Hiến pháp đầu tiên, những lần sửa đổi sau này, và đến khi Luật Báo chí ra đời, tất cả đều khẳng định quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí. Đó chính là điều kiện để báo chí thực hiện tốt các chức năng xã hội của mình, hoàn thành trách nhiệm với Đảng, với nhân dân.

Hiến pháp đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, năm 1946, đã khẳng định trong điều 10: □*Công dân Việt Nam có quyền: Tự do ngôn luận, tự do xuất bản, tự do tổ chức và hội họp, tự do tín ngưỡng, tự do cư trú, đi lại trong nước và ra nước ngoài*□ Chủ tịch Hồ Chí Minh, một nhà báo lớn đã sử dụng ngòi bút của mình một cách xuất sắc

trong cuộc đấu tranh đòi quyền tự do dân chủ cho đất nước, hơn ai hết hiểu được sức mạnh của tự do báo chí, và đặt nền móng chắc chắn cho tự do báo chí trong văn bản pháp luật đầu tiên của nước Việt Nam độc lập.

Hiến pháp sửa đổi năm 1959 đã bổ sung thêm vai trò của Nhà nước trong việc bảo đảm quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí. Điều 25 chỉ rõ: *“Công dân nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa có các quyền tự do ngôn luận, báo chí, hội họp, lập hội và biểu tình. Nhà nước bảo đảm những điều kiện vật chất cần thiết để công dân được hưởng các quyền đó”*. Ở đây, vai trò và trách nhiệm của Nhà nước là để tự do ngôn luận, báo chí đi đúng hướng phụng sự cho những giá trị và tiến bộ chung của quốc gia, dân tộc. Điều này hoàn toàn phù hợp với luật pháp quốc tế, đặt song song tự do ngôn luận với khuôn khổ pháp luật của mỗi quốc gia, cộng đồng, thể chế chính trị khác nhau.

Hiến pháp 1980 là một bước phát triển thêm về nhận thức tự do ngôn luận, tự do báo chí. Điều 67 khẳng định rất cụ thể: *“Công dân có các quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí, tự do hội họp, tự do lập hội, tự do biểu tình, phù hợp với lợi ích của chủ nghĩa xã hội và của nhân dân. Nhà nước tạo điều kiện vật chất cần thiết để công dân sử dụng các quyền đó. Không ai được lợi dụng các quyền tự do dân chủ để xâm phạm lợi ích của Nhà nước và của nhân dân”*. Ở đây đã khẳng định rất chắc chắn là tự do ngôn luận, tự do báo chí không phải là ngôn luận tự do, báo chí tự do, mà luôn phải đi kèm với trách nhiệm phát ngôn bảo vệ lợi ích chung của nhà nước và nhân dân.

Hiến pháp 1992 quy định cụ thể hơn, đầy đủ hơn về tự do ngôn luận, tự do báo chí. Điều 33 quy định: *“Nhà nước phát triển công tác thông tin, báo chí, phát thanh, truyền hình, điện ảnh, xuất bản, thư viện và các phương tiện thông tin đại chúng khác. Nghiêm cấm những hoạt động văn hoá, thông tin làm tổn hại lợi ích quốc gia, phá hoại nhân cách, đạo đức và lối sống tốt đẹp của người Việt Nam”*. Điều 69 quy định: *“Công dân có quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí, có quyền được thông tin; có quyền hội họp, lập hội, biểu tình theo*

quy định của pháp luật”. Với những khẳng định này, một lần nữa quyền được nhấn mạnh đi đôi với trách nhiệm và điều kiện tuân thủ pháp luật, không có quyền cá nhân nào cao hơn luật pháp.

Hiến pháp năm 2013, cũng là lần sửa đổi gần đây nhất, quy định trong điều 25: *“Công dân có quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí, tiếp cận thông tin, hội họp, lập hội, biểu tình. Việc thực hiện các quyền này do pháp luật quy định”*. Thời điểm này, các quy định luật pháp đã hoàn thiện hơn, bảo đảm cho công dân các quyền cơ bản được thực hiện trong những khuôn khổ rõ ràng. Báo chí Việt Nam đến thời điểm này cũng đã phát triển rất mạnh mẽ, số lượng, chất lượng được nâng cao, đời sống thông tin của người dân phong phú và nối liền không gian với quốc tế. Có thể nói, Hiến pháp đầu tiên và các lần sửa đổi đều rất nhất quán trong việc khẳng định quyền và trách nhiệm của báo chí, vai trò của Nhà nước và pháp luật, lúc nào cũng hướng tới những lợi ích chung của đất nước và nhân dân.

Cùng với Hiến pháp và các văn bản pháp luật khác, Luật Báo chí cũng đặt ra các nền móng cơ bản và thống nhất cho tự do ngôn luận, tự do báo chí. Điều 10 Luật Báo chí 2016 đã diễn giải quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí như sau: *Công dân có quyền: 1. Sáng tạo tác phẩm báo chí; 2. Cung cấp thông tin cho báo chí; 3. Phản hồi thông tin trên báo chí; 4. Tiếp cận thông tin báo chí; 5. Liên kết với cơ quan báo chí thực hiện sản phẩm báo chí; 6. In, phát hành báo in.* Như vậy, cho dù Việt Nam không có báo chí tư nhân, nhưng luật pháp quy định mọi công dân đều có quyền tham gia vào hoạt động báo chí. Các thế lực chống phá thường vin vào việc Việt Nam không có mô hình báo chí tư nhân mà cố tình lờ đi rằng, mọi công dân đều được quyền tham gia sáng tạo và xuất bản báo chí, mọi tầng lớp, tổ chức trong xã hội đều có cơ quan báo chí đại diện của mình. Điều 11 của Luật Báo chí làm rõ: *công dân có quyền phát biểu ý kiến về tình hình đất nước và thế giới; tham gia ý kiến xây dựng và thực hiện đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; góp ý kiến, phê bình, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo trên báo chí đối với các tổ chức của Đảng, cơ quan nhà*

nước, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp và các tổ chức, cá nhân khác. Điều 13 ghi rõ: "Báo chí không bị kiểm duyệt trước khi in, truyền dẫn và phát sóng".

Các thể lực thù địch chỉ trích, không bao giờ phân tích những bằng chứng pháp lý rõ ràng này, mà luôn tìm cách xuyên tạc, bóp méo, sử dụng những vụ việc, những cá nhân đi sai lạc khỏi các khuôn khổ pháp luật liên quan đến tự do báo chí, để tạo nên một hình ảnh không tích cực về tự do ngôn luận ở Việt Nam.

Nền báo chí Việt Nam phát triển mạnh mẽ, không ngừng, nở rộ về số lượng, loại hình, luôn tiệm cận với các công nghệ truyền thông mới nhất, trong suốt những năm qua, là minh chứng không thể phủ nhận của một nền báo chí được tự do và tạo điều kiện phát triển. Số liệu thống kê năm 2023, cả nước có 6 cơ quan truyền thông đa phương tiện chủ lực, 127 cơ quan báo, 671 cơ quan tạp chí, 72 cơ quan Đài phát thanh, truyền hình. Về số lượng kênh phát thanh, truyền hình, có 78 kênh phát thanh, 189 kênh truyền hình, 45 kênh nước ngoài (dịch vụ truyền hình trả tiền). Cả nước có khoảng 41 nghìn người hoạt động báo chí, và có 20.508 nhà báo được cấp thẻ nhà báo.

Ngoài ra, không thể không kể đến mạng xã hội đã tham gia mạnh mẽ vào môi trường truyền thông trong khoảng 10 năm trở lại đây. Ở Việt Nam, công dân không bị ngăn cấm tham gia mạng xã hội. Quyền phát ngôn, tham gia ý kiến, mở rộng thảo luận về mọi vấn đề xã hội đã được mở rộng rất nhiều trên các phương tiện truyền thông mới này. Báo chí, cùng với mạng xã hội, đã trở thành một diễn đàn lớn, nơi mà mọi người dân đều có tiếng nói, mọi vấn đề quốc tế dân sinh được trao đổi, thảo luận, đó là những biểu hiện rất rõ ràng của tự do báo chí.

Báo chí hiện đại trong thời gian gần đây, cùng sự hỗ trợ của công nghệ truyền thông số, đã tăng cường tính tương tác với công chúng. Trên các báo điện tử đều có mở phần bình luận cho người đọc. Các kênh phát thanh, truyền hình đều có các chương trình phát sóng trực tiếp, có số điện thoại đường dây nóng để người nghe, người xem gọi

điện tương tác ngay khi chương trình đang diễn ra. Với các thiết bị hiện đại bây giờ, nhà đài có thể di chuyển đến phỏng vấn và phát sóng trực tiếp ngay từ nhà của các công dân. Mặt khác, các cơ quan báo chí đều thiết lập các chương trình thu thập chất liệu phản ánh từ các "nhà báo công dân". Đó là minh chứng rất rõ ràng về việc báo chí có thể xuất bản ngay không cần qua kiểm duyệt. Điều này các thể lực thù địch cũng không thể phủ nhận được, vì thực tế đã là một minh chứng rất rõ ràng.

Tuy chỉ trích Việt Nam không có nền báo chí công khai minh bạch, nhưng các thể lực đối lập lại không đưa ra được bằng chứng nào về thông tin bị che giấu hay tuyên truyền sai sự thật. Các cơ quan báo chí hàng ngày vẫn cung cấp lượng thông tin phong phú, cập nhật, luôn sẵn sàng đối thoại với công chúng, bảo đảm là kênh thông tin hai chiều giữa Đảng, Nhà nước và Nhân dân. Cuối cùng, bằng chứng của "không có tự do báo chí" của các thể lực đối lập chỉ là "đàn áp các blogger bất đồng chính kiến", "bắt giam nhà báo" trong khi số lượng ít ỏi một số người phải chịu trách nhiệm trước pháp luật chính vì họ có những hoạt động xâm phạm lợi ích của Nhà nước và nhân dân, đưa tin sai sự thật, kích động dư luận, gây ra những hậu quả xấu đến cộng đồng.

Như vậy, cả trên phương diện pháp lý và hoạt động thực tiễn, quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí ở Việt Nam đều được thể hiện rõ ràng, luôn luôn gắn với quy định của pháp luật, luôn luôn hướng tới mục đích phụng sự nhân dân, bảo đảm tiến bộ xã hội. Tự do ngôn luận, tự do báo chí ở Việt Nam không phải là ngôn luận tự do, báo chí tự do theo ý chí cá nhân, mà là tự do xây dựng vì những mục tiêu tốt đẹp, vì trách nhiệm chân chính với cộng đồng, vì một thể chế chính trị do dân, vì dân. Các thể lực thù địch dù có tấn công, chỉ trích, chống phá như thế nào, cũng không thể thay đổi bản chất tự do ngôn luận, tự do báo chí ở Việt Nam. Sớm muộn đó cũng chỉ còn là những tiếng nói tiêu cực, lạc lõng của những người cố tình đi ngược chiều với sự phát triển bền vững của đất nước ta, nhân dân ta, nền báo chí cách mạng đáng tự hào của chúng ta./.

(1) Hồ Chí Minh (2002), *Toàn tập*, T. 8, Nxb. Chính trị Quốc gia, H. 2002, tr. 216.